

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2021/DS-ST
Ngày 29-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Sơn Hương;

Ông Thạch Qone;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 29/2021/QĐST-DS ngày 12/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Trụ sở chính tại: Toà nhà Capital Tower, số 109 đường T, Phường Cửa N, Quận H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S: Ông Lê Thanh T. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch chi nhánh C (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S (Chết ngày 02/3/2020);

Bà Mai Thị V, sinh năm 1960 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện K, tỉnh S.

2/ Anh Nguyễn Tấn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

3/ Anh Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

4/ Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:*

1/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1967 (Có đơn xin vắng mặt);

3/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1949 (Có đơn xin vắng mặt);

4/ Bà Hồ Thị B, sinh năm 1951 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02 tháng 12 năm 2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Ông Lê Thanh T đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh trình bày:

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V có ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD861201748 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh, phòng giao dịch C để vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 10,5%/năm; mục đích vay bổ sung vốn cải tạo vườn cây ăn trái, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay, với lãi suất nợ quá hạn là 150%/ lãi suất trong hạn. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V có thế chấp tài sản là 04 thửa đất gồm: Thửa 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng tọa lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13/2017/HĐTC/PGDCauke ngày 23/8/2017. Sau khi vay, nhận tiền ngày 23/8/2017 đến nay ông S, bà V có trả được 101 đồng vốn gốc và trả lãi trong hạn là 31.697.416 đồng sau đó không đóng nữa. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở ông Nguyễn Văn S, bà Mai Thị V trả nợ vay nhưng ông S, bà V đã không thực hiện và đến nay khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S bao gồm: anh Nguyễn Tấn P, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Thanh T1 là các con của ông S phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền vay tính đến ngày 29/04/2021 là 590.132.674 đồng (trong đó nợ gốc là 399.999.899 đồng, lãi trong hạn là 7.404.805 đồng, lãi quá hạn là 182.727.970

đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S không có khả năng thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là các thửa đất mà hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: Thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, để đảm bảo thu hồi nợ.

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Mai Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng, ngày 23/8/2017 bà và ông S có ký hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13/2017/HĐTC/PGDCauke với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh, phòng giao dịch C để vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn cải tạo vườn cây ăn trái. Ông Nguyễn Văn S bệnh nặng đã chết ngày 06/3/2020, do số tiền trị bệnh quá nhiều nên gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn, vườn chôm chôm bị nước mặn xâm nhập làm hư hại hoàn toàn nên không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Nay bà và các con là anh Nguyễn Tấn P, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Thanh T1 đồng ý trả số tiền vốn gốc vay của Ngân hàng là 399.999.899 đồng, nhưng xin Ngân hàng không tính lãi.

Trường hợp bà Mai Thị V và các con không có khả năng thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp tại các thửa đất: Thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đối với thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả và thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả thì bà và ông Nguyễn Văn S đã chia cho các con là Nguyễn Thanh N và Nguyễn Thị Thanh T1 nên không đồng ý phát mãi tài sản để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

- Người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S, đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh Nguyễn Thanh N trình bày: Anh đồng ý cùng các anh em là Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thị Mộng T, Nguyễn Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả số tiền vay vốn gốc 399.999.899 đồng theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và xin bỏ phần lãi suất (trong thời hạn 01 tháng nếu Ngân hàng chấp nhận chỉ trả phần gốc thì anh và các anh em sẽ trả dứt điểm tiền vốn gốc cho Ngân hàng).

Trường hợp anh và các anh em trong gia đình không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng thì anh đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả và thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà

Vinh. Đối với thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả thì ông S, bà V đã chia cho anh nên không đồng ý phát mãi.

+ *Chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:* Thống nhất với ý kiến và lời trình bày của anh Nguyễn Thanh N.

+ *Chị Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:* Thống nhất với ý kiến và lời trình bày của anh Nguyễn Thanh N. Xin trả tiền vốn gốc là 399.999.889 đồng và xin bỏ phần lãi suất.

Trường hợp không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả và thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng tọa lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đối với thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả chị đã được cha mẹ chia cho nên không đồng ý phát mãi, hiện tại trên thửa đất chị Thúy có trồng 120 gốc mít.

+ *Đối với anh Nguyễn Tấn P:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Anh Nguyễn Tấn P đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng anh Nguyễn Tấn P vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B trình bày:*

Ông bà là cha mẹ vợ của anh Nguyễn Thành N, thửa đất 450 tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300m² loại đất cây ăn quả là của ông S và bà V đã chia cho anh N nên anh N giao cho ông bà cất căn nhà tạm ở để trồng mít. Thửa đất này là của ông S, bà V trường hợp Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì ông bà đồng ý, không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:*

Ông bà đang quản lý sử dụng hai thửa đất của ông Nguyễn Văn S gồm 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả và 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả để trồng mít. Do thời điểm ông Nguyễn Văn S bệnh cần tiền điều trị nên ông bà có cho ông S, bà V mượn số tiền 100.000.000 đồng, do không có tiền trả nên ông S, bà V đã thống nhất cho ông bà được quản lý sử dụng đất để trừ tiền trong thời gian 07 năm. Ông bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp; tuy nhiên yêu cầu được quyền ưu tiên thanh toán trước số tiền 100.000.000 đồng cho ông bà, phần còn lại mới thanh toán nợ cho Ngân hàng, ông bà không khởi kiện ông S, bà V trả số tiền trên.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không

yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

Bị đơn và những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị B; ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, các đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa cho rằng việc thụ lý vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quan hệ tranh chấp. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đảm bảo đúng quy định. Về đưa người tham gia tố tụng, Tòa án đã đưa đầy đủ trong hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay nên việc xét xử đúng pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ do các bên cung cấp, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí, do bị đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí đề nghị miễn án phí cho bị đơn bà Mai Thị V theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, đối với các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V ký hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13/2017/HĐTC/PGDCauke ngày 23/8/2017 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh, phòng giao dịch C để vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 10,5%/năm, thời hạn cho vay là 11 tháng (ngày đến hạn 23/8/2018). Sau khi vay ông S, bà V có trả tiền vốn gốc cho Ngân hàng là 101 đồng và trả lãi trong hạn là 31.697.416 đồng thì ngưng không trả, đến hạn trả nợ cho Ngân hàng nhưng ông S, bà V không trả số tiền vốn gốc và lãi còn lại nên Ngân hàng khởi kiện. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn cư trú tại Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Đối với anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Tấn P là con của ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V, được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/3/2020 ông Nguyễn Văn S chết, do đó Tòa án tiếp tục đưa những người này vào tham gia với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.1] Bà Mai Thị V là bị đơn và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S là anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Tấn P, đồng thời cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V, anh N, chị t, chị T1, anh P.

[2.2] Đối với ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B, xét thấy tài sản thế chấp là thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300m² loại đất cây ăn quả do ông Nguyễn Thanh N cho ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B (là cha mẹ vợ ông N) xây dựng căn nhà tạm để chăm sóc vườn mít; Các thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả thì hiện ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L đang quản lý sử dụng và trồng mít. Do đó Tòa án đưa ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị B, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D, bà Hồ Thị B, ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên.

[3] Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vay vốn của ông Nguyễn Văn S, bà Mai Thị V mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần B cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm có Hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 ngày 23/8/2017 vay số tiền gốc 400.000.000 đồng; lãi suất tại thời điểm cho vay là 10.5%/năm, thời hạn cho vay là 11 tháng, ngày đến hạn 23/8/2018. Tài sản để đảm bảo nợ vay là 04 thửa đất gồm: Thửa 435, diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 434, diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 450, diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 630, diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả cùng tờ bản đồ số 01 và toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số 13/2017/HĐTC/PGDCauke ngày 23/8/2017. Sau khi vay ông S, bà V có trả tiền vốn gốc cho Ngân hàng là 101 đồng và trả lãi trong hạn là 31.697.416 đồng, tính đến ngày 29/4/2021 ông S, bà V còn nợ lại số tiền gốc là 399.999.899 đồng, lãi trong hạn là 7.404.805 đồng, lãi quá hạn là 182.727.970 đồng.

[4] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B về yêu cầu bà

Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ lại của vốn gốc là 399.999.899 đồng, lãi trong hạn là 7.404.805 đồng, lãi quá hạn là 182.727.970 đồng, với tổng số tiền 590.132.674 đồng; yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 04 thửa đất gồm: Thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh cũng như quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bởi vì trong hòa giải, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, văn bản trình bày ý kiến thì bà Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S đều thừa nhận việc ông Nguyễn Văn S và bà Mai Thị V có ký hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 ngày 23/8/2017 vay số tiền gốc 400.000.000 đồng theo như hồ sơ khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và đồng ý trả tiền vay cho Ngân hàng, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được trả vốn gốc 399.999.899 đồng; đối với phần lãi, không đồng ý trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng do không có khả năng trả. Bà V và các đồng thừa kế của ông S đồng ý trả phần vốn đã vay còn thiếu, nhưng không đồng ý trả phần lãi phát sinh cho Ngân hàng là không có cơ sở. Bởi lẽ tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 và hợp đồng thế chấp tài sản số 13/2017/HĐTC/PGDCauke cùng ngày 23/8/2017, bà V xác nhận việc bà và ông S ký hợp đồng vay là sự tự nguyện, đã được phía Ngân hàng giải thích quyền nghĩa vụ của bên vay cũng như hậu quả pháp lý của việc không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ vay, thời hạn vay là 11 tháng tính đến thời điểm Ngân hàng khởi kiện thì số nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng cho rằng trong suốt thời gian vay bà V không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng nên cương quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà V và người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông S phải trả tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và không đồng ý bỏ lãi là có căn cứ. Do đó không chấp nhận ý kiến của bà V và các đồng thừa kế của ông S về việc xin bỏ lãi và không đồng ý trả lãi phát sinh cho Ngân hàng mà buộc bà V và các đồng thừa kế của ông S phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 399.999.899 đồng, lãi trong hạn là 7.404.805 đồng, lãi quá hạn là 182.727.970 đồng. Đồng thời phải tiếp tục trả lãi kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748.

[6] Đối với tài sản thế chấp gồm thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình giải quyết vụ án bà V và các đồng thừa kế cho rằng thửa đất 450 đã chia cho ông Nguyễn Thanh N và thửa đất 434 đã chia cho Nguyễn Thị Thanh T1 nên không đồng ý phát mãi 02 thửa đất này là không có căn cứ để chấp nhận. Xét thấy ngày 23/8/2017 bà

Mai Thị V và ông Nguyễn Văn S ký kết hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 13/2017/HĐTC/PGDCauke với Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi nhánh Trà Vinh, phòng giao dịch C, mặc dù hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp tài sản không có anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1, anh Nguyễn Tấn P ký tên. Tuy nhiên trước khi ông S bà V ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng, ngày 18/8/2017 những người này đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S, bà Mai Thị V được toàn quyền định đoạt 04 thửa đất nêu trên để thế chấp tài sản, văn bản được Ủy ban nhân dân xã A chứng thực ngày 18/8/2017 (bút lục số 71). Tại hòa giải, biên bản lấy lời khai, bản tự khai các đồng thừa kế thừa nhận biết việc ông S, bà V vay tiền tại Ngân hàng và có ký văn bản ủy quyền cho ông S, bà V được toàn quyền định đoạt các thửa đất nêu trên để thế chấp tài sản. Văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh ký xác nhận và đóng dấu, đây là văn bản hợp pháp. Như vậy, việc anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Tấn P ký văn bản ủy quyền là sự tự nguyện của các bên, không bị ép buộc, nhằm mục đích để ông S bà V vay tiền của Ngân hàng, không có nêu ra vấn đề trước đó ông S, bà V đã chia cho anh N, chị T1 thửa đất 450 diện tích 2.300m² và thửa đất 434 diện tích 1.360m² và không đồng ý đem các thửa đất này thế chấp cho Ngân hàng. Trong hòa giải, biên bản lấy lời khai anh N, chị T1, chị T cũng không yêu cầu giám định chữ ký. Do đó hợp đồng ủy quyền này là hợp pháp nên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà ông S, bà V ký kết với Ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng vay cùng ngày 23/8/2017 là hợp pháp. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Mai Thị V và các đồng thừa kế không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên đưa ra bán đấu giá để thanh toán số tiền vay phải trả cho Ngân hàng.

[7] Đối với ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B được ông N cho ở tạm trên thửa đất 450 tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300m², ông bà xác định đây là tài sản của ông S, bà V nên không có ý kiến hay yêu cầu nào khác đối với phần đất, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên trên phần đất này ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B có trồng 170 gốc mít, trường hợp phải đưa ra bán đấu giá đất và tài sản trên đất thì ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B được quyền ưu tiên mua. Nếu ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B không có nhu cầu sử dụng thì được nhận lại giá trị tài sản là cây trồng mà ông bà đã trồng trên đất tại thời điểm bán đấu giá.

[8] Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T1 đang sử dụng thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² để trồng 120 gốc mít, không có yêu cầu độc lập để Tòa án xem xét. Trường hợp phải đưa ra bán đấu giá đất và tài sản trên đất thì chị Nguyễn Thị Thanh T1 được quyền ưu tiên mua. Nếu chị Nguyễn Thị Thanh T1 không có nhu cầu sử dụng thì được nhận lại giá trị tài sản là cây trồng mà chị đã trồng trên đất tại thời điểm bán đấu giá.

[9] Đối với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L được ông S, bà V cho quản lý sử dụng thửa đất 435 diện tích 1.420m² và thửa đất 630 diện tích 3.180m² cùng tờ bản đồ số 01 trồng mít để trừ số tiền 100.000.000 đồng, tại biên

bản lấy lời khai ông bà xác định không khởi kiện ông S, bà V trả số tiền trên mà có ý kiến là đồng ý phát mãi tài sản thế chấp tuy nhiên yêu cầu được quyền ưu tiên thanh toán trước số tiền ông S, bà V nợ, phần còn lại mới thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu của ông T, bà L không có cơ sở để chấp nhận, vì trước khi ông S giao cho ông T, bà L đất này ông S bà V đã thế chấp cho Ngân hàng, Phía Ngân hàng cũng không có văn bản nào cho ông T, bà L được quyền sử dụng các thửa đất nêu trên, do đó yêu cầu của ông T, bà L không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Việc ông T, bà L có cho ông S bà V vay, mượn tiền thì ông bà có quyền khởi kiện để được giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trên phần đất này ông T, bà L có trồng 400 gốc mít, trường hợp phải đưa ra bán đấu giá đất và tài sản trên đất thì ông T, bà L được quyền ưu tiên mua. Nếu ông T, bà L không có nhu cầu sử dụng thì được nhận lại giá trị tài sản là cây trồng mà ông bà đã trồng trên đất tại thời điểm bán đấu giá.

[10] Về án phí: Do ông Nguyễn Văn S, bà Mai Thị V là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 74; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Căn cứ Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bà Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S là anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Tấn P liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền 590.132.674 đồng (trong đó vốn gốc là 399.999.899 đồng; lãi trong hạn là 7.404.805 đồng; lãi quá hạn là 182.727.970 đồng).

Bà Mai Thị V và các đồng thừa kế gồm anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Tấn P phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2021 cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ theo lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng số HĐTD861201748 ngày 23/8/2017 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh, phòng giao dịch C với bà Mai Thị V, ông Nguyễn Văn S.

Anh Nguyễn Thanh N, chị Nguyễn Thị Mộng T, chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Nguyễn Tấn P chỉ liên đới trả tiền trên giá trị tài sản của ông Nguyễn Văn S để lại là các thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Đối với tài sản thế chấp là 04 thửa đất: 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 434, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.360m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 450, tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300 m² loại đất cây ăn quả; Thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m² loại đất cây ăn quả; cùng toạ lạc Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh kê biên đưa ra bán đấu giá để ưu tiên thanh toán số tiền vay vốn và lãi phải trả cho Ngân hàng.

Do ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B được quyền ưu tiên mua thửa đất 450 tờ bản đồ số 01 diện tích 2.300m². Nếu ông Nguyễn Văn D và bà Hồ Thị B không có nhu cầu sử dụng thì được nhận lại giá trị tài sản là cây trồng mà ông bà đã trồng trên đất tại thời điểm bán đấu giá.

Do chị Nguyễn Thị Thanh T1 không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp phải đưa ra bán đấu giá đất và tài sản trên đất thì chị Thúy được quyền ưu tiên mua. Nếu chị Thúy không có nhu cầu sử dụng thì được nhận lại giá trị tài sản là cây trồng đã trồng trên đất tại thời điểm bán đấu giá.

Đối với ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L không có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị Tuyết L có quyền khởi kiện bà Mai Thị V số tiền mượn 100.000.000 đồng để được giải quyết theo quy định của pháp luật; ông T, bà L được quyền ưu tiên mua 02 thửa đất 435, tờ bản đồ số 01 diện tích 1.420m² và thửa đất 630, tờ bản đồ số 01 diện tích 3.180m². Nếu ông T, bà L không có nhu cầu sử dụng thì được nhận lại giá trị tài sản là cây trồng mà ông bà đã trồng trên đất tại thời điểm bán đấu giá.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Mai Thị V và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn S. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí là 12.186.839 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009076 ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án họp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND H.C;
- Chi cục THADS H.C;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã Ký